

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23-5-2023
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU,
TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Phiên;
2. Bà Hoàng Thị Thanh Hương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký
Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia
phiên tòa: Bà Võ Lê Trúc Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương
Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia
đình thụ lý số 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly
hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXX ngày 19 tháng 4
năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1972; có mặt.

Bị đơn: Anh **Trần Thanh C**, sinh năm 1969; vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: ấp PT 3, xã P, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây
Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị và anh C tự nguyện chung sống vào năm 1990, có đăng ký kết hôn.
Hai bên chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2020 hai bên thường xuyên
phát sinh mâu thuẫn, do anh C thường xuyên nhậu nhẹt, chửi mắng và đánh đập
chị, Công an xã cũng đã từng lập hồ sơ giải quyết. Anh C đã nhiều lần hứa sửa
đổi, xin tha thứ rất nhiều lần, nhưng có rượu vào thì tính tình lại như cũ. Cuối
năm 2022 do mâu thuẫn giữa hai bên không thể giải quyết được, chị quyết định

về nhà mẹ ruột ở thì anh C lấy rựa đe dọa chém chị. Chị báo công an đến giải quyết thì anh C mới để chị đi.

Do chị và anh C chung sống không hạnh phúc, gây áp lực tinh thần kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Có ba con chung:

Trần Văn Kh, sinh năm 1991;

Trần Văn Ph, sinh năm 1994;

Trần Văn Thị Mỹ L, sinh năm 2002.

Các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Trần Thanh C trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị Th về quan hệ hôn nhân, con chung là đúng. Các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng thì phát sinh từ đầu năm 2020, do anh đôi khi có uống rượu nên có mắng chị. Anh chỉ lỡ đánh chị Th, công an xã cũng đã từng lập hồ sơ giải quyết nhưng cách nay nhiều năm. Cuối năm 2022 chị Th định bỏ về nhà mẹ ruột, kêu em trai đến chở, anh sợ bị em vợ đánh nên có lấy rựa để phòng vệ, không phải đe dọa chị Th. Khi Công an xã đến khuyên giải thì anh cũng đồng ý để chị đi. Anh thừa nhận đôi khi nóng tính, uống rượu có ghen tuông; tuy nhiên anh còn thương chị Th nên không đồng ý ly hôn. Hiện anh cũng chưa có phương pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên hòa giải, đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình 2014, Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th với anh C. Con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Chị Th chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Thanh C được Tòa án triệu tập xét xử hợp L đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th, anh C tự nguyện chung sống vào năm 1990, có đăng ký kết hôn. Hai bên chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, anh C thường xuyên uống rượu, ghen tuông, chửi mắng chị Th, đôi khi còn đánh chị. Vào cuối năm 2022 vì không cho chị Th bỏ về nhà mẹ ruột, anh C còn lấy rựa đe dọa chị Th. Anh C trình bày còn thương chị Th nên xin đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp giải quyết mâu thuẫn, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Th, anh C đã trầm trọng, anh C có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

[3] Về con chung: Có ba con chung:

Trần Văn Kh, sinh năm 1991;

Trần Văn Ph, sinh năm 1994;

Trần Văn Thị Mỹ L, sinh năm 2002.

Các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th; đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Anh C không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Th đối với anh Trần Thanh C.

1.1. Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Thanh C chấm dứt quan hệ vợ chồng.

1.2. Về con chung: Có ba con chung:

Trần Văn Kh, sinh năm 1991;

Trần Văn Ph, sinh năm 1994;

Trần Văn Thị Mỹ L, sinh năm 2002.

Các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí DSST:

2.1. Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013071 ngày 20-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (đã nộp đủ).

2.2. Anh Trần Thanh C không phải chịu.

3. “Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện DMC,
- Chi cục THA H.DMC,
- Các đương sự.
- Lưu tập án, lưu hồ sơ,

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

TẠ THỊ HẠ